

# NGHIÊN CỨU KHẢO SÁT TỔ CHỨC GIẢNG DẠY MÔN HỌC GIÁO DỤC HÒA NHẬP CHO CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO KHỐI NGÀNH SƯ PHẠM

TS. HOÀNG THỊ NHO - PGS.TS. NGUYỄN XUÂN HẢI\* -  
ThS. NGUYỄN QUÝ SỬU\*\* - ThS. NGUYỄN PHƯƠNG HIỀN\*\*

Ngày nhận bài: 14/05/2016; ngày sửa chữa: 16/05/2016; ngày duyệt đăng: 17/05/2016.

**Abstract:** The article refers situation of implementing training inclusive education module in pedagogical universities and teacher training for inclusive education. The article also mentions inclusive education implementation in Europe countries and proposes recommendations with application of experiences from these countries to improve the quality of inclusive education for children with disabilities at pedagogical universities.

**Keywords:** Inclusive education module, curriculum, training, teacher training.

## 1. Đặt vấn đề

Nghiên cứu về giáo dục (GD) trẻ em và giáo dục hòa nhập (GDHN) trẻ khuyết tật chỉ ra rằng, GD trẻ em trên toàn cầu đến nay đã đạt được những thành tựu đáng kể: số trẻ em trong độ tuổi đi học tiểu học bỏ học đã giảm từ 108 triệu năm 1999 xuống còn 61 triệu năm 2010, nhưng tiến bộ đó bị đình trệ trong những năm gần đây. Mặc dù so với năm 1999, đã có nhiều hơn 25% học sinh trung học cơ sở nhưng vẫn có đến 71 triệu học sinh ở độ tuổi trung học phổ thông rời khỏi trường học năm 2010. Trẻ em khuyết tật có tỉ lệ cao hơn trong số những người bị lỡ cơ hội GD.

Xu hướng hiện nay trên thế giới đều hướng đến các mục tiêu GD cho tất cả trẻ em và thanh thiếu niên. Các bộ luật và chính sách hiện thời đều hướng đến GDHN và thực hiện GDHN, thể hiện công bằng xã hội - một quyền cơ bản của con người như trong *Tuyên bố Salamanca* (1994), *Công ước quốc tế về Quyền của người khuyết tật* (2006), Hội nghị quốc tế lần thứ 48 về GD (UNESCO, 2008). Cộng đồng quốc tế cũng đã có cam kết về mục tiêu thiên niên kỷ và GD cho tất cả mọi người.

Để đảm bảo thực hiện tốt các mục tiêu trên, việc đào tạo (ĐT) đội ngũ giáo viên trong các trường sư phạm về GDHN có đóng vai trò rất quan trọng. Tuy nhiên, nghiên cứu của UNESCO về các nước châu Á Thái Bình Dương cũng đưa ra những thách thức trong tổ chức giảng dạy môn *GDHN* gồm: GDHN thường được coi như một môn học riêng lẻ, và chưa thành môn học chính thức; các khóa học nặng tính lý thuyết; sinh viên (SV) sư phạm và học viên ít được hỗ trợ trong giải quyết vấn đề thực tiễn [2].

Từ năm 2013, Bộ GD-ĐT đã ra Quyết định số 5584/QĐ-BGDĐT, chủ trương chuẩn bị cho mục tiêu các ngành sư phạm trong toàn quốc, SV phải được tiếp cận học tập môn *GDHN* và đã có đề xuất những nghiên cứu, khảo sát về triển khai tổ chức ĐT môn học *GDHN* tại Việt Nam.

Nội dung bài viết đề cập những kinh nghiệm tổ chức ĐT môn học *GDHN* ở một số nước và nghiên cứu và khảo sát về việc đưa môn học *GDHN* vào chương trình ĐT các trường sư phạm nhằm chuẩn bị tốt hơn năng lực của đội ngũ giảng viên (GV) trong tương lai, để họ có đủ kiến thức, kĩ năng, thái độ sẵn sàng đón nhận và đáp ứng sự đa dạng của trẻ có nhu cầu đặc biệt trong trường hòa nhập.

## 2. Nghiên cứu về tổ chức ĐT môn *GDHN* trong chương trình ĐT SV sư phạm ở một số nước châu Âu

**2.1. Những căn cứ pháp lý và thực thi chính sách về *GDHN*.** Các nước châu Âu đã thực hiện và triển khai GD cho trẻ có nhu cầu đặc biệt dựa trên những văn bản và các cam kết quốc tế về GDHN và Quyền của người khuyết tật [3].

Các văn bản chính sách quan trọng nhất và gần đây là *Công ước Liên Hiệp Quốc về Quyền của người khuyết tật* (2006). Trong Công ước, Điều 24 là rất quan trọng để hướng dẫn thực hiện chính sách và thực tiễn GD: các quốc gia phải đảm bảo một hệ thống GD, bao gồm các cấp học...

Hầu hết các nước châu Âu đã kí Công ước (mặc dù đã được lưu ý không nhất thiết phải phê chuẩn

\* Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

\*\* Bộ Giáo dục - Đào tạo

Công ước hoặc kí kết hoặc phê chuẩn nghị định tùy chọn).

Nghị quyết Hội đồng châu Âu năm 2003 về thúc đẩy hội nhập việc làm và xã hội của người khuyết tật và Nghị quyết Hội đồng, năm 2003, về cơ hội bình đẳng cho học sinh, SV khuyết tật trong GD-ĐT là hai trong số các báo cáo chính cấp Châu Âu mà hướng dẫn chính sách quốc gia thành viên cho GD đặc biệt [3].

Quan trọng nhất, tất cả các nước châu Âu đã phê chuẩn *Tuyên bố UNESCO Salamanca* và *Khuôn khổ hành động trong nhu cầu đặc biệt GD* (1994). Tuyên bố này là một tâm điểm chính trong công tác GD cho người học có nhu cầu đặc biệt ở châu Âu - là một yếu tố quyết định trong triển khai chính sách ở nhiều nước như một nguyên tắc hướng dẫn trong các cuộc tranh luận về chính sách: các trường học phổ thông cần là phương tiện hiệu quả nhất để chống lại thái độ kì thị, tạo ra cộng đồng cởi mở, xây dựng một xã hội hòa nhập và đạt được nền GD cho tất cả mọi người. Hơn nữa, các trường học cần đảm bảo một nền GD hiệu quả cho đa số trẻ em và cuối cùng là chi phí hiệu quả của toàn bộ hệ thống GD [3], [4]...

**2.2. Thực hiện ĐT môn GDHN cho SV các ngành sư phạm chính quy tại các nước châu Âu.** Tất cả các quốc gia đều có chính sách thực tế là các giáo viên đứng lớp đều tham gia một số môn học bắt buộc liên quan đến học sinh có nhu cầu đặc biệt trong khóa ĐT chính quy [4].

Các chuyên đề/môn học bắt buộc về trẻ có nhu cầu đặc biệt rất khác nhau về thời lượng, nội dung và tổ chức, vì thực tế quá trình ĐT giáo sinh không thể bao trùm hết toàn bộ nhu cầu đa dạng của giáo viên. Nhưng cũng hiển nhiên là những khác biệt liên quan đến nội dung quá trình ĐT giáo sinh phản ánh ở mức độ những khác biệt liên quan đến chính sách hòa nhập ở các quốc gia khác nhau.

Việc thực hiện ĐT ở một số nước như sau [3]: các nước đề cập nội dung môn học tập trung cung cấp kiến thức, thông tin chung và kiến thức liên quan đến đặc điểm của trẻ có nhu cầu đặc biệt (như: Cộng hòa Séc, Hi Lạp, Ý, Pháp, Tây Ban Nha; các nước chú trọng đến môn học GDHN có rõ thông tin về quá trình dạy học trong lớp hòa nhập và dạy học hợp tác như: Áo, Bỉ, Đan Mạch, Bồ Đào Nha); các nước thực hiện ĐT môn học chú trọng nhiều đến làm việc thực tế, thăm quan (như: Anh, Phần Lan, Đức, Hà Lan, Na Uy, Thụy Điển).

Có thể thấy, nhiều quốc gia đều có những định hướng nhằm chuẩn bị kiến thức, năng lực của giáo viên

tương lai để dạy học cho trẻ có nhu cầu đặc biệt.

### **3. Kết quả khảo sát chương trình và nội dung môn học GDHN tại một số trường cao đẳng (CĐ), đại học sư phạm (ĐHSP)**

**3.1. Tiếp cận tên môn học.** Một số trường có xu hướng tiếp cận môn học là *GDHN cho trẻ khuyết tật*. Tuy nhiên, một số GV có cập nhật về xu hướng tiếp cận mới trên thế giới cũng đề nghị để tên môn học theo hướng tiếp cận chung dành cho học sinh có nhu cầu đặc biệt (Trường ĐHSP - Đại học (ĐH) Huế, Trường Cao đẳng Sư phạm (CĐSP) Huế...). "*Chủ trương của Bộ GD-ĐT tổ chức môn học này là rất đáng trân trọng: Cách tiếp cận GDHN cho trẻ có nhu cầu đặc biệt là phù hợp hơn. Theo cách tiếp cận nhu cầu đặc biệt nên tiếp cận xuyên suốt theo việc đáp ứng nhu cầu của học sinh. Tập trung nội dung hỗ trợ theo loại tật có ưu điểm nhưng nên có những giải pháp và nắm được cốt lõi của GV*" (HV - GV Khoa Tâm lí - Giáo dục, Trường ĐHSP - ĐH Huế).

### **3.2. Nội dung, thời lượng và mục tiêu chương trình môn GDHN:**

- *Thời lượng:* Phần lớn các trường đều có thời lượng là 3 tín chỉ (45 tiết) như: Trường CĐSP Hà Nội, Trường CĐSP Trung ương, Trường CĐSP Quảng Ninh, Trường ĐH Tiền Giang, Trường ĐH Đồng Tháp, Trường ĐHSP - ĐH Huế; Một số trường sư phạm ở Ninh Thuận, Kon Tum có thời lượng là 2 tín chỉ (30 tiết). Tuy nhiên, để duy trì giữ môn học GDHN với những đợt thay đổi chương trình cũng rất khó khăn nếu người xây dựng chương trình không có nhận thức tốt về tầm quan trọng của môn học GDHN.

"*Nếu không kiên quyết thì việc bảo vệ để giữ học phần trong chương trình là rất khó khăn và cam go; Hiện nay, khó khăn lớn nhất là SV chưa có nhiều cơ hội trải nghiệm thực tế; Phải xuống thực tế, thay đổi từ người dạy, từ môi trường để hỗ trợ học sinh khuyết tật*" (PVH - GV CĐSP Huế)

- *Đội ngũ GV giảng dạy môn học:* Một số trường có được đội ngũ GV được ĐT chuyên môn về GD đặc biệt (Trường ĐHSP - ĐH Huế, Trường CĐSP Huế, Trường ĐH Đồng Tháp, Trường ĐH Tiền Giang), có nhiều trường thực hiện giảng dạy môn học nhưng GV chưa được tập huấn về GDHN; một số trường có đội ngũ GV được tập huấn từ các dự án nhưng đội ngũ GV này cũng bắt đầu nghỉ hưu hoặc chuyển đổi công tác (Trường ĐH Tiền Giang). Vì vậy, việc chuẩn bị tập huấn và bồi dưỡng năng lực cho GV các trường ĐH, CĐSP là vô cùng cần thiết.

- *Mục tiêu môn học:* Hầu hết việc xây dựng mục tiêu môn học đã nhấn mạnh đến cung cấp kiến thức,

kĩ năng cho SV; tuy nhiên, nội dung và các phương pháp để SV có thái độ tôn trọng và sẵn sàng đón nhận trẻ khuyết tật chưa được chú trọng nhiều. Ý kiến của GV Trường Tiểu học An Đông “*Nên ĐT cho giáo viên có thể giúp đỡ được học sinh học hòa nhập; Nên tập trung nhiều tài liệu về hành vi và các phương pháp về hòa nhập; giáo viên chưa có chuyên môn, có tình thương sẽ giúp đỡ. Kinh nghiệm cho thấy, những giáo viên có tình thương sẽ chấp nhận và hỗ trợ các em*”.

- *Nội dung môn học*: Nội dung của từng chương, từng mục đã được chỉnh sửa, cập nhật hơn với các thông tin khoa học giáo dục đặc biệt/GDHN trẻ khuyết tật. Đã có sự cân đối thời lượng và nội dung giữa các chuyên ngành, đặc biệt là chuyên ngành GDHN trẻ tự kỉ với các chuyên ngành khác. Tuy nhiên, cần có sự thống nhất về cấu trúc trình bày giữa các chuyên ngành giúp cho người đọc, SV dễ hiểu, dễ sử dụng; bổ sung thêm các bài thực hành, giúp GV có thể tổ chức các tiết thực hành cho SV; bổ sung thêm các giáo án minh họa giúp SV dễ hình dung khi tổ chức hoạt động học, hoạt động chơi ở lớp có trẻ học hòa nhập; có những ví dụ minh họa về điều chỉnh nội dung chương trình và phương pháp GD phù hợp với trẻ khuyết tật. Kết thúc mỗi chương, bổ sung bài tập thực hành, luyện tập hay câu hỏi ôn tập chương,...

“*Trường có thay đổi chương trình hàng năm; học phần GDHN giữ ở một số ngành. Vì vậy, đưa học phần này là chuyên đề bắt buộc ở một số ngành là phù hợp. Nếu muốn thực sự đáp ứng người học, nên có 1 tín chỉ thực tập tại cơ sở 15 tiết, 45 giờ thực hành, tương đương với 4-5 ngày; nên bắt buộc SV xuống cơ sở làm việc với trẻ có nhu cầu đặc biệt. Trường đã làm công tác này rất tốt với SV ngành Công tác xã hội*” (PVH - GV Trường CĐSP Huế).

### **3.3. Những kiến nghị trong thực hiện ĐT môn học:**

- *Về tài liệu, đồ dùng*: Đã có nhiều tài liệu, giáo trình, sách đã xuất bản về GDHN, vì vậy, SV cần tham khảo thêm, nhất là đối với các tài liệu cập nhật. Tài liệu tham khảo cần bổ sung các nghiên cứu mới, định hướng, chỉ đạo đối với GDHN ở Việt Nam và trên thế giới. Nên có nhiều đồ dùng đặc trưng hỗ trợ cho trẻ khuyết tật để SV được trải nghiệm trong giờ học.

- *Về thực hành môn học*: Cần tăng cường tổ chức cho SV được đến các cơ sở thực hành, được tiếp xúc với trẻ nhiều hơn, được dự giờ tại các trường/cơ sở GD trẻ khuyết tật học hòa nhập; bổ sung phòng nghiệp vụ để SV được thực hành thường xuyên và chủ động.

- *Về phương pháp dạy học*: cần tổ chức lớp học cần đa dạng về hình thức (tạo tình huống), tạo hứng thú học tập cho SV; GV cần chủ động trang bị kiến thức chuyên sâu, hỗ trợ tài liệu cho SV; bổ sung tài liệu, trang thiết bị, phương tiện hỗ trợ; mời GV chuyên sâu, có kinh nghiệm thực tiễn về GDHN dạy học cho GV; giảm số lượng SV trong lớp.

### **4. Kết luận**

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu trên đây, chúng tôi đề xuất một số định hướng triển khai tổ chức giảng dạy môn học GDHN ở trường sư phạm gồm:

- Quy định chuẩn chất lượng ĐT giáo viên về năng lực hiểu biết GDHN; khuyến khích các trường có mã ngành sư phạm đưa môn học GDHN vào chương trình ĐT ở phần kiến thức bắt buộc.

- Tên môn học nên có sự tiếp cận với xu hướng chung: GDHN cho trẻ có nhu cầu đặc biệt; thời lượng dành cho môn học nên ít nhất là 2 tín chỉ, tương đương 30 giờ học; nội dung, phương pháp cần chú trọng đến dạy học hướng đến người học, giúp người học trải nghiệm tốt, có thái độ về GDHN.

- Bộ GD-ĐT cần hỗ trợ xây dựng hệ thống giáo trình, tài liệu tham khảo, học liệu cần thiết của môn học cho đội ngũ GV các trường.

- Cần thiết có sự đầu tư và bồi dưỡng cho cán bộ giảng dạy môn học, đảm bảo đáp ứng được nhu cầu ĐT, chuẩn bị nguồn nhân lực về GDHN cho đội ngũ giáo sinh trong tương lai.

- Tổ chức tập huấn, nâng cao năng lực và hỗ trợ trao đổi kinh nghiệm giữa các GV giảng dạy môn GDHN. □

### **Tài liệu tham khảo**

[1] Ingrid Lewis and Sunit Bagree (2013). *Teachers for All, Inclusive Teaching for Children with Disabilities*. the International Disability and Development Consortium’s Inclusive Education Task Group.

[2] UNESCO (2014). *Tài liệu hướng dẫn tuyên truyền “Tăng cường công tác đào tạo - bồi dưỡng giáo viên giáo dục hòa nhập”*. United Nation Educational, Scientific and Culture Organization, place de Fontenoy, 75352 Paris 07 SP, France.

[3] European Agency for Development in Special Needs Education (2003). *Special Need Education in Europe*. January, ISBN: 87-90591-77-1.

[4] European Agency for Development in Special Need Education (2003). *Special Needs Education in Europe*. Thematic Publication, ISBN: 87-90591-77-1.

[5] Nguyễn Xuân Hải (2015). *Giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật ở Việt Nam*. Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Volume 60, Number 8C.